

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tùng.
2. Ông Nguyễn Văn Quế.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 01/3/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Hải D - Tên gọi khác: T; sinh ngày 21 tháng 6 năm 1993, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân H, sinh năm 1959 và bà Dương Thị M, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2018 đến ngày 07/12/2018, được tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị Tú O, sinh năm 1993 (có mặt).

Trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: Khối K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chị Trần Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chị Lê Thị Hương G, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Anh Từ Anh V, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chị Lê Thúy M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Chị Trần Thị Như T, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Trú tại: Khối Đ, phường H, thị xã T, Nghệ An.
Chị Trần Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
Anh Trần Công T, sinh năm 1997 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
Anh Phan Xuân B, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Trú tại: Khối T, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
- Người làm chứng: Anh Phan Xuân H - Sinh năm 1992 (vắng mặt).
Trú tại: Khối K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ ngày 04/7/2018 đến ngày 31/10/2018 Phan Hải D lấy danh nghĩa Công ty TNHH thương mại B (công ty B) có trụ sở tại khối K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với các cá nhân cần vốn làm ăn, cụ thể:

- Giao dịch với anh Phạm Văn T:

Ngày 04/7/2018, Phạm Văn T đến trụ sở Công ty B cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu C LS màu trắng, BKS 17A - 063.xx cho Phan Hải D để vay số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lãi suất 5000 đồng/1.000.000đ/1 ngày tương đương 182,5%/năm, tương đương 15,208%/tháng; lãi suất trả theo tháng (30 ngày) cho đến khi thanh toán hết tiền gốc và lãi sẽ được nhận lại xe ô tô. Hàng tháng Phan Hải D sử dụng điện thoại Iphone 7, màu trắng đỏ, lắp sim số 0971.935.xxx để liên lạc và nhắn tin thông báo số tiền lãi hàng tháng cho Phạm Văn T thông qua số điện thoại 0988.814.xxx. Tiền lãi Phan Hải D đã nhận của Phạm Văn T (03 tháng) là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Ngày 06/11/2018 Phạm Văn T đến trụ sở Công ty B để thanh toán tiền lãi tháng 10/2018 và tiền gốc để lấy xe ô tô. Do bận công việc nên Phan Hải D nhờ Nguyễn Anh Đ đưa ô tô đến trả cho Phạm Văn T và nhận tiền giúp D. Khi Nguyễn Anh Đ đang nhận 92.000.000đ (trong đó gồm 12.000.000đ tiền lãi tháng 10 và tiền gốc 80.000.000đ) từ Phạm Văn T thì lực lượng Công an phát hiện, lập biên bản sự việc.

Số tiền lãi anh Phạm Văn T phải trả cho Phan Hải D tính từ thời điểm vay ngày 04/7/2018 đến ngày 04/11/2018 (04 tháng) là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 - BLDS 2015 (20%/1 năm tương đương 1,666666%/1 tháng) là 80.000.000đ x 1,666666% x 04 tháng = 5.333.333đ. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: 48.000.000đ - 5.333.333đ = 42.666.667đ (bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Các giao dịch với chị Phạm Thị Tú O:

Tại trụ sở Công ty B, Phan Hải D đã nhiều lần cho chị Phạm Thị Tú O vay tiền và thu tiền lãi luôn sau khi cho vay. Cụ thể vào các ngày 18/6/2018, 09/7/2018, 29/7/2018, 13/8/2018, 11/9/2018, Phan Hải D đã cho chị Phạm Thị Tú O vay 05 lần, mỗi lần 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và thu tiền lãi luôn sau khi cho vay mỗi lần 10.000.000đ (mười triệu đồng) tính cho 50 ngày.

Từ ngày 18/6/2018 đến 11/9/2018, qua 05 lần giao dịch, Phan Hải D đã cho chị Phạm Thị Tú O vay số tiền 250.000.000đ (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày của 5 lần giao dịch là: $250.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 6.849.250đ$. Số tiền lãi Phan Hải D đã nhận là 50.000.000đ. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $50.000.000đ - 6.849.250đ = 43.150.750đ$ (bốn mươi ba triệu, một trăm năm mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Các giao dịch với chị Trần Thị H:

Vào ngày 07/9/2018, do cần tiền làm ăn, chị Trần Thị H đến trụ sở Công ty B để vay tiền. Tại đây, Phan Hải D đã cho chị Trần Thị H vay số tiền 12.500.000đ (mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và thu luôn số tiền lãi 2.500.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $12.500.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 342.462 \text{ đồng}$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.500.000đ - 342.462đ = 2.157.538đ$.

Vào ngày 23/10/2018, tại trụ sở Công ty B, Phan Hải D đã cho chị Trần Thị H vay số tiền 10.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 2.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm, 0.4%/ngày). Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 - BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 273.970đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000đ - 273.970đ = 1.726.030đ$.

Như vậy, qua 02 giao dịch, Phan Hải D đã cho chị Trần Thị H vay tổng số tiền 22.500.000 đồng, mức lãi suất cố định là 146%/năm, thu số tiền lãi 4.500.000 đồng, thu số tiền bất chính là $2.157.538đ + 1.726.030đ = 3.883.568đ$ (ba triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng).

- Các giao dịch với Lê Thị Hương G:

Do cần tiền làm ăn, ngày 19/7/2018, chị Lê Thị Hương G đến trụ sở Công ty B để vay tiền. Tại đây, Phan Hải D đã cho chị Lê Thị Hương G vay số tiền 6.250.000đ và thu luôn số tiền lãi 1.250.000 đồng tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong

50 ngày là: $6.250.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 171.231đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.250.000đ - 171.231đ = 1.078.769đ$.

Vào ngày 30/8/2018, tại trụ sở Công ty B, Phan Hải D đã cho chị Lê Thị Hương G vay số tiền 10.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 2.000.000 đồng tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 273.970đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000đ - 273.970đ = 1.726.030đ$.

Vào ngày 14/10/2018, tại trụ sở Công ty B, Phan Hải D đã cho chị Lê Thị Hương G vay số tiền 10.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 2.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 273.97đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000đ - 273.970đ = 1.726.030đ$.

Như vậy, qua 03 giao dịch, Phan Hải D đã cho chị Lê Thị Hương G vay tổng số tiền 26.250.000đ, mức lãi suất là 146%/năm, thu số tiền lãi 5.250.000đ, trong đó thu số tiền bất chính là: $1.078.769 + 1.726.030 + 1.726.030 = 4.530.829đ$ (bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng).

- Các giao dịch với anh Từ Anh V

Vào ngày 29/8/2018, anh Từ Anh V đến trụ sở Công ty B để vay tiền làm ăn. Sau khi liên lạc điện thoại Phan Hải D đồng ý cho Từ Anh V vay số tiền 5.000.000đ, cắt lãi số tiền 1.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Phan Hải D gọi Trần Công T đến gặp D lấy 4.000.000đ đưa cho Từ Anh V. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $5.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ ngày} = 136.985đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000đ - 136.985đ = 863.015đ$.

Vào ngày 04/9/2018, Từ Anh V đến trụ sở Công ty B để vay tiền, sau khi liên lạc điện thoại Phan Hải D đồng ý cho Từ Anh V vay số tiền 10.000.000đ thu luôn số tiền lãi 2.000.000đ tính cho 50 ngày, (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Phan Hải D gọi Trần Công T đến gặp D lấy số tiền 8.000.000đ đưa cho Từ Anh V. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 273.970đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000đ - 273.970đ = 1.726.030đ$.

Vào ngày 03/10/2018, Từ Anh V đến trụ sở Công ty B để vay tiền, sau khi liên lạc điện thoại Phan Hải D đồng ý cho Từ Anh V vay số tiền 10.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 2.000.000đ tính cho 50 ngày, (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Phan Hải D gọi Trần Công T đến gặp

D lấy số tiền 8.000.000đ đưa cho Từ Anh V. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50$ (ngày) = 273.970đ. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000đ - 273.970đ = 1.726.030đ$.

Ngày 29/10/2018, Từ Anh V đến trụ sở Công ty B để vay tiền, sau khi liên lạc điện thoại Phan Hải D đồng ý cho Từ Anh V vay số tiền 10.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 1.500.000đ tính cho 50 ngày, (lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương lãi suất 109,5%/năm (0,3%/ngày). Phan Hải D gọi Trần Công T đến gặp D lấy số tiền 8.500.000đ đưa cho Từ Anh V. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,05479%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50$ (ngày) = 273.970đ. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.500.000đ - 273.970đ = 1.226.020đ$.

Qua 04 giao dịch Phan Hải D đã cho Từ Anh V vay số tiền 35.000.000đ với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/1 năm, mức lãi suất cao nhất 146%/1 năm, thu lợi bất chính số tiền là $863.015đ + 1.726.030đ + 1.726.030đ + 1.226.020đ = 5.541.105đ$ (năm triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, một trăm linh năm đồng).

- Các giao dịch với chị Lê Thúy M:

Vào ngày 31/8/2018, do cần tiền giải quyết việc cá nhân, chị Lê Thúy M đến trụ sở Công ty B để vay tiền. Tại đây, chị Lê Thúy M được Trần Công T giới thiệu trao đổi qua điện thoại với Phan Hải D để hỏi vay tiền; Phan Hải D đồng ý cho chị M vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 3.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Phan Hải D gọi Trần Công T đến gặp D lấy tiền để đưa cho chị Lê Thúy M. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $15.000.000đ \times 0,054794\% \times 50$ (ngày) = 410.955đ. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $3.000.000đ - 410.955đ = 2.589.045đ$.

Vào ngày 13/10/2018, chị Lê Thúy M gọi điện hỏi vay tiền Phan Hải D, D đồng ý cho chị M vay số tiền 50.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 9.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 3.600đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 131,4%/năm (0,36%/ngày). Chị M đến trụ sở Công ty B thì Trần Công T đưa cho chị Lê Thúy M số tiền 41.000.000đ. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $50.000.000đ \times 0,054794\% \times 50$ (ngày) = 1.369.850đ. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $9.000.000đ - 1.369.850đ = 7.630.150đ$.

Như vậy, qua 02 giao dịch, Phan Hải D đã cho chị Lê Thúy M vay tổng số tiền 65.000.000đ, trong đó cho vay 50.000.000đ với lãi suất 131,4%/năm; cho vay 15.000.000đ với lãi suất là 146%/năm, thu số tiền lãi 12.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là: 10.219.195đ (mười triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng).

- Các giao dịch với chị Trần Thị Như T:

Vào ngày 30/10/2018 chị Trần Thị Như T đến trụ sở Công ty B để vay tiền. Tại đây, Trần Công T cho số điện thoại của Phan Hải D để chị Trần Thị Như T trao đổi vay tiền, Phan Hải D đồng ý cho chị T vay số tiền 10.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 2.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm (0.4%/ngày). Phan Hải D gọi Trần Công T đến gặp D lấy tiền đưa cho chị T. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $10.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 273.970đ$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000đ - 273.970đ = 1.726.030đ$ (một triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng).

- Các giao dịch với chị Trần Thị N:

Vào ngày 04/11/2018 chị Trần Thị N đến trụ sở Công ty B để vay tiền. Tại đây, Trần Công T cho số điện thoại của Phan Hải D để chị N trao đổi vay tiền, Phan Hải D đồng ý cho chị N vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 3.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Sau đó Trần Công T đến gặp D lấy tiền đưa cho chị N. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Phan Hải D được hưởng trong 50 ngày là: $15.000.000đ \times 0,054794\% \times 50 \text{ (ngày)} = 410.955 \text{ đồng}$. Như vậy, Phan Hải D đã thu lợi bất chính số tiền là: $3.000.000đ - 410.955 đ = 2.589.045đ$ (hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng).

Tổng cộng từ ngày 18/6/2018 đến ngày 06/11/2018, Phan Hải D thông qua 19 giao dịch dân sự với 08 cá nhân đã cho vay tổng số tiền 503.750.000đ (năm trăm linh ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, lãi suất cao nhất là 182,5%/năm, thu tổng số tiền lãi 131.250.000đ (một trăm ba mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 114.307.189đ (một trăm mười bốn triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 23 tháng 01 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Phan Hải D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 - BLHS.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - BLHS: Xử phạt bị cáo Phan Hải D từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng. Phạt bổ sung từ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tuyên tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đỏ trắng, số IMEI 355325086992189 lắp sim thuê bao số 0971.935.xxx thu của Phan Hải D dùng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 114.307.189đ (một trăm mười bốn triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) do Phan Hải D thu lợi bất chính. Tạm giữ số tiền 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng) thu của Phan Hải D và số tiền 22.307.189đ (hai mươi hai triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) Phan Hải D tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan Hải D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST. Được khấu trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã tự nguyện nộp án phí HSST trước khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

Bị cáo không tranh luận về tội danh cũng như mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản sự việc lập hồi 09 giờ 30 phút, ngày 06/11/2018, tại khối K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 18/6/2018 đến ngày 06/11/2018, Phan Hải D thực hiện 19 giao dịch dân sự đã cho 08 cá nhân gồm anh Phạm Văn T, anh Từ Anh V, chị Phạm Thị Tú O, chị Trần Thị H, chị Lê Thị Hương G, chị Lê Thúy M, chị Trần Thị Như T, chị Trần Thị N vay tổng số tiền 503.750.000đ (năm trăm linh ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, lãi suất cao nhất là 182,5%/năm (vượt gấp 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), thu lợi bất chính số tiền 114.307.189đ (một trăm mười bốn triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng), nên hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 - Bộ luật hình sự như Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 - BLHS như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa cũng đủ nghiêm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đỏ trắng, số IMEI 355325086992189 lắp sim thuê bao số 0971.935.xxx thu của bị cáo do bị cáo dùng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Do đó tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS. Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 114.307.189đ (một trăm mười bốn triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) do Phan Hải D thu lợi bất chính theo điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS. Tạm giữ số tiền 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng) thu của Phan Hải D và số tiền 22.307.189đ (hai mươi hai triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) Phan Hải D đã tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với Nguyễn Anh Đ: Ngày 06/11/2018 Nguyễn Anh Đ là người trực tiếp nhận số tiền lãi và tiền gốc từ Phạm Văn T. Quá trình điều tra xác định ngày 06/11/2018 do Phan Hải D bận việc nên nhờ Nguyễn Anh Đ đưa xe ô tô đến trụ sở

Công ty TNHH B cho khách hàng và nhận giúp số tiền 92.000.000đ từ anh Phạm Văn T. Nguyễn Anh Đ không biết và không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng của Phan Hải Dư. Do đó Nguyễn Anh Đ không đồng phạm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đối với Trần Công T: Tuấn là nhân viên làm việc tại Công ty TNHH B. Nhiệm vụ của T là có mặt tại công ty để trông coi công ty và khi có khách hàng đến hỏi vay tiền thì T sẽ cho khách hàng số điện thoại của Phan Hải D để khách hàng và Phan Hải D tự thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất vay, thời gian vay. Trần Công T không biết Phan Hải D cho khách hàng vay tiền với lãi suất bao nhiêu, không tham gia góp vốn và không được hưởng lợi từ hoạt động cho vay tiền. Do đó hành vi của Trần Công T không đồng phạm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[8] Trong vụ án này Phan Hải D thông qua 19 giao dịch dân sự đã cho 08 cá nhân gồm anh Phạm Văn T, anh Từ Anh V, chị Phạm Thị Tú O, chị Trần Thị H, chị Lê Thị Hương G, chị Lê Thúy M, chị Trần Thị Như T, chị Trần Thị N vay tổng số tiền là 503.750.000đ. Xét đây là các giao dịch dân sự hợp pháp, số tiền gốc, lãi theo quy định tại Điều 468 - Bộ luật dân sự, do đó các bên tự định đoạt theo quy định của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Phan Hải D (tên gọi khác: T) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phan Hải D 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Phan Hải D về cho UBND phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo D thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 - Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đỏ trắng, số IMEI 355325086992189 lắp sim thuê bao số 0971.935.xxx thu của bị cáo Phan Hải D.

[6] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 114.307.189đ (một trăm mười bốn triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) do Phan Hải D thu lợi bất chính.

Tạm giữ số tiền 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng) thu của Phan Hải D theo ủy nhiệm chi ngày 29/01/2019 vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà và số tiền 22.307.189đ (hai mươi hai triệu, ba trăm linh bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) Phan Hải D đã tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo Biên lai thu tiền số 0001287 ngày 24/01/2019.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo Ủy nhiệm chi ngày 29/01/2019 vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà; Biên lai thu tiền số 0001287 ngày 24/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa và biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 01 năm 2019 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án): Buộc bị cáo Phan Hải D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST. Được khấu trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã tự nguyện nộp án phí HSST trước khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo biên lai thu tiền số 0001288 ngày 24/01/2019 (bị cáo đã nộp đủ án phí).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Tú O, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T, anh Từ Anh V, chị Trần Thị H, chị Lê Thị Hương G, chị Lê Thúy M, chị Trần Thị Như T, chị Trần Thị N, anh Phan Xuân B, anh Nguyễn Anh Đ, anh Trần Công T vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Hòa Hiếu;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên

